

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/DS-PT

Ngày: 27/11/2019

V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử  
dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng  
đất

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Hữu Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Dừa  
Ông Huỳnh Đắc Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 119/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Thạch K1, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Hoàng O – Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh. (Có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Thạch S1, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Thạch K2, sinh năm 1962; (Vắng mặt)
  2. Bà Sơn Thị Sa M, sinh năm 1989; (Vắng mặt)
  3. Bà Sơn Thị Thu T1, sinh năm 1991; (Vắng mặt)
  4. Ông Sơn G, sinh năm 1994; (Vắng mặt)
  5. Bà Sơn Thị Sô T2, (Sô Pha), sinh năm 1965; (Có mặt)
  6. Bà Thạch Thị Sa C1, sinh năm 1981; (Vắng mặt)
  7. Ông Sơn C2, sinh năm 1962; (Vắng mặt)
  8. Ông Thạch K3, sinh năm 1972; (Vắng mặt)
  9. Ông Thạch K4, sinh năm 1974; (Vắng mặt)
  10. Bà Thạch Thị Hoanh T3, sinh năm 1978; (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh
11. Bà Thạch Thị Pha L, sinh năm 1969. (Vắng mặt)
- Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch C, sinh năm: 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 600, đường N, khóm A, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn: Ông Thạch K1

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Thạch K1 trình bày: Phần diện tích đất 2.821,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh T có nguồn gốc của cha, mẹ ông K1 là ông Thạch C2 (chết năm 1987) và mẹ là bà Sơn Thị S2 (chết năm 2005) để lại. Ông Thạch C2 và bà Sơn Thị S2 có 3 người con là: Thạch Thị X (chết 2001), Thạch K2 và Thạch K1. Năm 1999, bà Thạch Thị X kê khai và được cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Hiện nay, phần đất này có 4 người sử dụng là: Thạch K2, Thạch K1, Thạch S1 (con nuôi của bà X) và Sơn Thị Sô T2 (là cháu của bà S2). Nay, ông Thạch K1 yêu cầu được hưởng thừa kế phần diện tích 1.367m<sup>2</sup> (thực đo 1.359,3m<sup>2</sup>) trong tổng diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là phần đất được mẹ của ông là bà S2 cho cách đây 30 năm có cắm cọc phân ranh rõ ràng, hiện tại ông đang quản lý.

Bị đơn ông Thạch S1 trình bày: Nguồn gốc đất diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> thửa số 11, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là của bà ngoại ông là Sơn Thị S2 cho mẹ ông là bà Thạch Thị X. Bà X kê khai và được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp quyền sử dụng đất vào năm 1999. Năm 2001, bà X chết. Phần đất này hiện do ông Thạch S1 sử dụng. Do đó, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông Thạch K1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sô T2 trình bày: Bà được mẹ là bà Thạch Thị Sa R cho một nền nhà nằm trong phần đất đang tranh chấp giữa ông Thạch K1 và Thạch S1. Do bà Sa R không biết chữ nên không thực hiện việc kê khai, bà Thạch Thị X đã kê khai phần đất này. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được tách thửa phần đất của bà được mẹ là bà Sa R cho. Ngày 20/11/2017, bà Sơn Thị Sô T2 có đơn rút lại yêu cầu độc lập này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch K3, ông Thạch K4, bà Thạch Thị Sa C1 và bà Thạch Thị Pha L trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà Sơn Thị Sô T2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sa M, bà Sơn Thị Thu T1, ông Sơn G, ông Sơn C2 và bà Thạch Thị Hoanh T3 không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch K1, yêu cầu được hưởng thừa kế phần đất diện tích 1.367m<sup>2</sup>, thực đo ngày 14/4/2017 là 1.359,3m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 19 (theo tư liệu đo đạc năm 2004), tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Phần đất tranh chấp có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp sông Long Bình có số đo 20,40m

Hướng Tây giáp thửa số 14 có số đo 8,03m; giáp thửa 11 số đo 9,50m; giáp đường Đồng Khởi số đo 2m;

Hướng Nam giáp thửa số 11 có số đo 70,58m và 19,77m;

Hướng Bắc giáp thửa số 14 có số đo 19,64m; giáp thửa 12 số đo 44,11m; giáp thửa 11 số đo 25,84m.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sô T2 yêu cầu được hưởng phần đất diện tích 280m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 19 (theo tư liệu đo đạc năm 2004), tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/11/2018, ông Thạch K1 có Đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T

Những vấn đề cụ thể người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Ông Thạch K1 yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm và công nhận cho ông được hưởng thừa kế diện tích 1.367m<sup>2</sup> (thực đo 1.359,3m<sup>2</sup>) trong tổng

diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thạch K1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu được hưởng 1.359,3m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại khóm A, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do được bà Sơn Thị S2 chia cho.

Ông Thạch S1 yêu cầu: Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông Thạch K1, công nhận cho ông được quyền sử dụng 2.821,8m<sup>2</sup> do bà Thạch Thị X là mẹ ông chết để lại.

Luật sư Nguyễn Hoàng O bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Phần diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> đất do bà Thạch Thị X đứng tên quyền sử dụng có nguồn gốc của bà Sơn Thị S2. Khi còn sống bà S2 đã chia đất này ra làm 4 phần. Riêng ông Thạch K1 được hưởng một phần diện tích 1.359,3m<sup>2</sup> cho nên khi Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để làm cống thoát nước có bồi hoàn tiền thì cũng chia đều cho tất cả các anh, em của ông K1; cấp sơ thẩm chưa xem xét quá trình sử dụng đất lâu dài của ông K1; trên phân đất tranh chấp này còn có phần đất của bà Sô T2 đang sử dụng, khi xét xử cấp sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu độc lập của bà Sô T2, có yêu cầu xin được công nhận quyền sử dụng đất đang ở hay không để xem xét giải quyết trong cùng một vụ án. Bà X chết năm 2001, bà S2 chết năm 2005, cấp sơ thẩm chưa xác định hàng thừa kế của những người này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, thời hạn kháng cáo của ông Thạch K1 là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

Đất cấp cho hộ bà X nhưng không xác định tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất hộ bà X gồm những ai. Bác yêu cầu chia thừa kế 1.359,3m<sup>2</sup> đất của ông K1 nhưng không giao quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế tạm quản lý; chưa thu thập hồ sơ cấp quyền sử dụng đất, trình tự cấp quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị X có đúng theo quy định của pháp luật hay không? Xác định thiếu hàng thừa kế của bà X (chết năm 2001), bà S2 (chết năm 2005) gồm những ai. Về nguồn gốc thửa đất số 11 các bên đều thừa nhận là của ông Thạch C2 (chết năm 1987) và bà Thạch Thị S2 (chết năm 2005), năm 1983 ông Thạch C3 kê khai thửa đất số 199, 200, ông Thạch S3 kê khai thửa đất số 98; năm 1991, bà X kê khai đến năm 1999 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, ông Thạch C3, ông Thạch C2 có mối quan hệ với bà X, bà S2 như thế nào mà lại đứng kê khai quyền sử dụng đất chưa được làm rõ. Đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, nhưng cấp sơ thẩm chưa đo vẽ kích thước, hình thể, vị trí từng thửa đất tương ứng với

phần thừa kế được hưởng của các hàng thừa kế. Cho nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục sửa án sơ thẩm. Từ những sai sót, vi phạm trên nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố T xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Ông Thạch K1 kháng cáo là trong thời gian luật định, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét thấy việc ông Thạch K1 kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy phần đất đang tranh chấp do bà Thạch Thị X kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất năm 1999, diện tích 2.730m<sup>2</sup>, thuộc thửa 371, tờ bản đồ số 1 (theo tư liệu đo đạc năm 1991). Bà X chết năm 2001. Khi bà X chết không để lại di chúc, theo quy định của pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của bà X gồm: Mẹ của bà X là bà Sơn Thị S2 và con nuôi của bà X là Thạch S1.

[3]. Cấp sơ thẩm chỉ nhận định ông Thạch S1 là hàng thừa kế thứ nhất của bà X và giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất do bà X đứng tên cho ông Thạch S1 là chưa chính xác, vì lúc bà X chết năm 2001 thì bà S2 là mẹ bà X vẫn còn sống (bà S2 chết năm 2005. Bút lục 24). Sau khi bà S2 chết, thì không xác định hàng thừa kế của bà S2 gồm những ai? Do không xác định bà S2 là hàng thừa kế thứ nhất của bà X sau khi bà X chết và không xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà S2 sau khi bà S2 chết, là không đảm bảo quyền lợi của các hàng thừa kế.

[4]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Thạch Thị X vào năm 1999. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ tại thời điểm cấp giấy năm 1999 hộ bà X gồm những ai, để xác định thành viên trong hộ đưa vào tham gia tố tụng, xem xét yêu cầu của những người trong hộ đối với việc chia quyền sử dụng đất trong hộ, sau đó mới xác định di sản thừa kế.

[5]. Đối với việc thay đổi chủ sở hữu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983, ông Thạch S3 và Thạch C3 kê khai; năm 1991, bà X kê khai; năm 2004, bà S2 kê khai. Cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ, tại sao lại có sự thay đổi này, để thu thập tài liệu, chứng cứ những người này có lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho nhau hay không? Tòa án sơ thẩm đã có Công văn hỏi Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố T về sự thay đổi này (Bút lục 173-174). Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố T không cung cấp được thông tin theo yêu cầu của Tòa án do không có hồ sơ lưu trữ tại đơn vị (Bút lục 181). Phần đất đang tranh chấp trước đây thuộc huyện C Thành, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần có văn bản hỏi Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C về việc có lưu trữ hồ sơ

liên quan đến việc thay đổi tên chủ sử dụng như nêu trên không, nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ giải quyết vụ án.

[6]. Bà Sô T2 cho rằng đang sử dụng 280m<sup>2</sup> đất nằm trong tổng diện tích 2.821,8m<sup>2</sup> nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm thì có ông T4 hăm dọa buộc bà rút đơn yêu cầu độc lập, nên bà hoảng sợ phải rút yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn có yêu cầu được hưởng 280m<sup>2</sup> đất, cấp sơ thẩm chưa làm rõ lý do bà Sô T2 lại rút đơn yêu cầu độc lập, ông T4 là ai mà hăm dọa bà, dẫn đến việc bà Sô T2 rút đơn yêu cầu độc lập. Do đó, việc rút yêu cầu độc lập là trái với ý chí, tự nguyện của bà Sô T2. Cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này là chưa có căn cứ xác thực.

[7]. Đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất. Trong trường hợp có xem xét đến việc chia thừa kế thì cấp sơ thẩm cần phải đo đạc, định hình kích thước, vị trí tứ cận của từng thửa đất để có căn cứ chia theo phần được hưởng cho các hàng thừa kế như vậy mới đảm bảo tính toàn diện của vụ án.

[8]. Từ những nhận định trên cho thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng tổ tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên, vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và qua diễn biến xét xử phù hợp với nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm, nên ông Thạch K1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Thạch K1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Thạch K1 với bị đơn ông Thạch S1.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T để xét xử lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Thạch K1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông Thạch K1 được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số: 0018919 ngày 23/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ quyết định khi vụ án được xét xử lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- THA thành phố T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Hữu Bình**